

Số: /KH-UBND

Mường Ảng, ngày tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Mường Ảng

Thực hiện Kế hoạch số 1382/KH-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh Điện Biên thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. UBND huyện Mường Ảng ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Mường Ảng, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng phát triển y tế huyện Mường Ảng từng bước hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; Phấn đấu để mọi người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, giảm tỉ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Từng bước kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ huyện đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu vững mạnh; thu hẹp khoảng cách về bệnh tật, tử vong của huyện so với khu vực và giữa các dân tộc trong huyện. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế.

c) Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng ưu tiên.

d) Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đặc biệt nhân lực cho y tế cơ sở, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới và vùng đông người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng; bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

đ) Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật, nghiên cứu và phát triển dược - y học cổ truyền; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

e) Bảo đảm việc tiếp cận và tính sẵn có của thuốc, vắc xin, sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng với giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của Nhân dân; Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

g) Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên ngân sách Nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và các khu vực khó khăn.

h) Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật y tế, bảo đảm chất lượng, đầy đủ, đồng bộ; năng lực quản trị hệ thống y tế được nâng cao theo hướng hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hiện đại, hội nhập.

3. Các chỉ tiêu cơ bản đến năm 2030 *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

4. Định hướng đến năm 2045

Đến năm 2045, hệ thống y tế huyện Mường Ảng được hoàn thiện, hiện đại, phù hợp với quy hoạch phát triển vùng; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu phát triển ngang tầm với khu vực, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân, đạt bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao sức khỏe Nhân dân

a) Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam; Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030. Đa dạng hóa nội dung và đổi mới hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tự chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia...

b) Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Tập trung cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giảm tỉ lệ trẻ em khuyết tật, ưu tiên các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó

khăn nhằm giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng miền. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030.

d) Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm, thống nhất đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ huyện đến xã. Thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

đ) Thực hiện chăm sóc dài hạn, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích tại cộng đồng; tăng cường công tác y tế học đường. Thực hiện hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021- 2025, Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

e) Phòng chống tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất và chất thải độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi nhằm tăng tỉ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỉ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn.

h) Chú trọng liên kết với ngành du lịch để hình thành sản phẩm du lịch kết hợp với chăm sóc y tế góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

a) Tăng cường đầu tư mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chệch giờ, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng số loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Tăng nguồn lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét để thực hiện mục tiêu cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030.

c) Tăng cường quản lý các bệnh không lây nhiễm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh. Chú trọng sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật; phấn đấu đến năm 2030, người có nguy cơ cao mắc bệnh được kiểm tra sức khỏe ít nhất mỗi năm một lần, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân.

d) Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân.

đ) Tăng cường công tác quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh

mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, thiết lập hệ thống chuyên tuyến chuyên môn linh hoạt.

e) Thống nhất mô hình tổ chức, quản lý với trung tâm y tế cấp huyện theo hướng chịu sự quản lý toàn diện của UBND cấp huyện. Tổ chức và hoạt động của trạm y tế phải phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận của người dân trên địa bàn.

3. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và sự hài lòng của người bệnh

a) Nâng cao và công bằng trong tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng có chất lượng, rút ngắn khoảng cách giữa các tuyến, từng bước thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, đặc biệt với những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đối tượng chính sách. Phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao ngang tầm khu vực.

b) Triển khai thực thiện phác đồ điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền, chuẩn hóa mã bệnh theo quốc tế; sử dụng thuốc an toàn hợp lý, chống kháng thuốc theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Đảm bảo sự kết nối, tương tác hiệu quả giữa các cấp độ chăm sóc, giữa khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao năng lực cấp cứu ngoại viện và chất lượng chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Nâng cao năng lực của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh trong chuẩn bị và ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, đặc biệt là hồi sức tích cực, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hàng ngày cho người bệnh.

đ) Tập trung mở rộng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa để người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế chất lượng ngay tại y tế cơ sở. Tăng cường tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật chuyên môn trong trường hợp vượt quá khả năng điều trị tại chỗ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về giảm quá tải bệnh viện tuyến trên.

e) Thực hiện công khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh giữa các bệnh viện, hạn chế tình trạng cung ứng các dịch vụ y tế quá mức cần thiết. Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

g) Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; kết hợp quân dân y. Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030. Gắn phát triển dược liệu với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

4. Công tác dân số và phát triển

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 để đạt mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Thực hiện các chính sách và biện pháp phù hợp để người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số... Tiếp tục phát triển mạnh mẽ lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

5. Phát triển nhân lực y tế

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nhân lực cho y tế cơ sở. Chú trọng nâng cao năng lực thực hành và chuyên môn.

b) Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng, cơ cấu phù hợp và chất lượng nhân lực y tế cho từng vùng, từng cấp độ chăm sóc và từng chuyên khoa, đặc biệt một số chuyên khoa khó tuyển như lao, phong, tâm thần, hồi sức cấp cứu, truyền nhiễm, y học cổ truyền... Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở.

c) Tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ đãi ngộ đối với cán bộ y tế và các chính sách khuyến khích người có trình độ chuyên môn giỏi làm việc tại y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, tâm thần, lao, phong.... theo quy định.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng trong phòng bệnh, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh đặc biệt nguy hiểm; dịch bệnh mới phát sinh; nghiên cứu thích ứng với quá trình già hóa dân số.

b) Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến.

7. Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc, thiết bị y tế

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

b) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý đáp ứng nhu cầu cho phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống thiên tai, thảm họa, sự cố y tế công cộng và các nhu cầu cấp bách khác trên địa bàn huyện.

c) Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược, thực phẩm, thiết bị y tế. Công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, cấp phép, mua sắm thuốc, thiết bị y tế.

8. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

b) Triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của ngành y tế trên phạm vi toàn huyện; lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

c) Duy trì và củng cố việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các cơ sở kinh doanh Dược, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trong toàn huyện.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế để tăng cường sự tiếp cận của người dân đến các thông tin y tế.

9. Đổi mới tài chính y tế và bảo hiểm y tế

a) Huy động nguồn tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Huy động các nguồn viện trợ, tài trợ để đầu tư phát triển hệ thống y tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

- Thực hiện các chính sách thuế phù hợp đối với các hàng hoá có nguy cơ cho sức khỏe: Đồ uống có cồn, có ga, nước giải khát có đường, thuốc lá..., hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo, người mắc các bệnh ung thư... theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh xã hội hoá; đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh lành mạnh để khuyến khích y tế tư nhân phát triển.

b) Phân bổ nguồn tài chính

- Ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước để chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế vùng khó khăn, lĩnh vực tâm thần, phong.

- Thực hiện cơ chế tài chính cho hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, ưu tiên ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người có công, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư, ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách dựa trên kết quả hoạt động và điều kiện thực tiễn. Tăng cường kiểm soát, giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bảo đảm công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm y tế.

c) Chi trả dịch vụ y tế

- Thực hiện lộ trình giá dịch vụ theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí (cả khám bệnh, chữa bệnh và y tế dự phòng, y tế cơ sở). Thực hiện mức đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp với ngân sách nhà nước, khả năng chi trả của Nhân dân. Thực hiện chính sách, mở rộng quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nguồn lực bảo hiểm y tế.

- Đổi mới phương thức chi trả dịch vụ y tế từ chi trả theo phí dịch vụ sang kết hợp với các phương thức chi trả khác, bao gồm thanh toán theo định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan.

- Áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho y tế cơ sở thực hiện các gói dịch vụ y tế cơ bản; chi trả theo hướng khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe dân cư tại cộng đồng.

10. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh

a) Tiếp tục phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y khám bệnh, chữa bệnh; phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phù hợp với điều kiện từng nơi; bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa.

b) Triển khai có hiệu quả Chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe đến năm 2030.

c) Thực hiện kết hợp quân - dân y xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động Ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự; sẵn sàng đáp ứng y tế trong các tình huống quốc phòng và an ninh.

11. Tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và truyền thông cung cấp thông tin y tế

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe. Xây dựng các kế hoạch hành động liên ngành trong chăm sóc sức khỏe nói chung và đặc biệt trong chuẩn bị và ứng phó có hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, dịch bệnh.

b) Thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về y tế.

c) Triển khai công tác cung cấp thông tin y tế đồng bộ, minh bạch, chính xác, kịp thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông sâu rộng về các nhiệm vụ trọng tâm, các thành tựu, kết quả hoạt động của công tác y tế, các tấm gương điển hình cán bộ nhân viên y tế, y đức, y nghiệp và truyền thống lịch sử ngành y tế.

12. Tăng cường quản lý nhà nước về y tế

a) Thực hiện cơ chế, chính sách về y tế trên cơ sở bám sát các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Y tế. Tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và lựa chọn mô hình mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị minh bạch, hiệu quả. Thực hiện các

hoạt động truyền thông vận động chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thực thi chính sách.

b) Xây dựng và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế công lập bảo đảm tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; phát triển và tăng cường sự tham gia của y tế ngoài công lập trong cung ứng dịch vụ y tế công.

c) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô hình quản trị phù hợp đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực quản lý, quản trị của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

đ) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, duy trì dịch vụ công một phần và dịch vụ công toàn phần trong các lĩnh vực quản lý của ngành Y tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Thực hiện nguyên tắc tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong tình hình mới: Y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám bệnh, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách. Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương rà soát, thống kê, đánh giá, sắp xếp danh mục đề án, dự án ưu tiên đầu tư.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện cơ chế, chính sách tài chính và cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

- Phối hợp với các đơn vị và các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch và trình UBND huyện quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí khác, tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế và các ngành liên quan đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, an toàn vệ sinh lao động, các đối tượng chính sách, đối tượng trợ giúp xã hội thụ hưởng các chính sách y tế liên quan (người nghèo, người cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động và người lao động không có hợp đồng lao động...); đảm bảo an toàn cho trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế, phòng Nội vụ và các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trường học trong các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em và học sinh trong trường học; bảo đảm nguồn nhân lực và chế độ đãi ngộ phù hợp trong việc thực hiện công tác sức khỏe học đường; Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường và Chương trình y tế trường học trong các trường mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, xây dựng các giải pháp về: Kiểm soát, quan trắc và xử lý từ nguồn phát sinh đối với các chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người; quản lý, chia sẻ thông tin quan trắc về các chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người; thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Kinh tế & Hạ tầng

Chủ trì, phối hợp với phòng Y tế tham mưu trình UBND huyện ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; bảo đảm cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt và tăng tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực nông thôn, hướng dẫn xử lý và cấp nước quy mô hộ gia đình khu vực nông thôn.

7. Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm VH-TT-TH huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Đề án vận động toàn dân luyện tập thể dục thể thao bảo vệ, nâng cao sức khỏe; phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình, đề án thể dục thể thao trong trường học nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực của người Việt Nam; xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp an toàn du lịch, phòng chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

Phối hợp với ngành Y tế tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác y tế; tuyên truyền công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tại cộng đồng.

8. Ban Chỉ huy Quân sự huyện

Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế xây dựng hệ thống văn kiện bảo đảm y tế cho các trạng thái quốc phòng; hướng dẫn xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên và lực lượng huy động ngành y tế trong tình trạng khẩn cấp. Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các địa phương xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và bộ đội, góp phần củng cố an ninh quốc phòng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa.

9. Công An huyện

Có trách nhiệm nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và lãnh đạo các cơ sở y tế (theo địa bàn được phân công). Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn trong cơ sở y tế; ngăn chặn, đẩy lùi hành vi vi phạm trong lĩnh vực y tế.

10. Bảo hiểm xã hội huyện

Chủ trì, phối hợp với phòng Y tế, Trung tâm Y tế, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các chính sách về bảo hiểm y tế; phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban ngành, đoàn thể huyện

Phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các phong trào rèn luyện, nâng cao sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng; giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

12. UBND các xã, thị trấn

Tuyên truyền các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các phong trào rèn luyện, nâng cao sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng;

Phối hợp với ngành Y tế tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác y tế; tuyên truyền công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tại cộng đồng.

Phối hợp với ngành Y tế và các ngành liên quan đảm bảo các chính sách an

sinh xã hội, an toàn vệ sinh lao động, các đối tượng chính sách, đối tượng trợ giúp xã hội thụ hưởng các chính sách y tế liên quan (người nghèo, người cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động và người lao động không có hợp đồng lao động...).

Trên đây là Kế hoạch của UBND huyện thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Mường Ảng./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện uỷ (b/c);
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành đoàn thể huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PYT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Sơn

Phụ lục
CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của UBND huyện Mường Ảng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Năm 2030	
			Mường Ảng	Toàn tỉnh	Mường Ảng	Toàn tỉnh
	Chỉ số đầu vào					
1	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Người	11,5	13	12	14
2	Số dược sĩ đại học trên 10.000 dân	Người	1,15	2,5	1,8	3
3	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	7,3	25	9	33
4	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Người	30	32	32	34
5	Chi ngân sách cho y tế dự phòng trên tổng chi ngân sách nhà nước cho y tế	%	30	30	>30	>30
	Chỉ số hoạt động					
6	Tỉ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	> 90	90	> 95
7	Tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng					
	- 12 loại vắc xin	%	95	95	96	95
8	Tỉ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát	%	70	70	90	90
9	Tỉ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	%	50	50	70	70
10	Tỉ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	100	100	100	100
	Chỉ số kết quả					
11	Mức độ bao phủ các dịch vụ y tế thiết yếu (thang điểm 100)	Điểm	70	70	75	75
12	Tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95	>98	95	>98
13	Tỉ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%	100	100	100	100
14	Tỉ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	80	>80	90	>90

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Năm 2030	
			Mường Ăng	Toàn tỉnh	Mường Ăng	Toàn tỉnh
15	Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030.					
15.1	Số ca nhiễm HIV mới được phát hiện hằng năm trên 100.000 dân	Ca	<0,2	<0,2	Cơ bản chấm dứt	Cơ bản chấm dứt
15.2	Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân	Ca	<50	<50	Cơ bản chấm dứt	Cơ bản chấm dứt
15.3	Số ca mắc mới sốt rét trên 100.000 dân	Ca	Loại trừ sốt rét	Cơ bản chấm dứt	Loại trừ sốt rét	Loại trừ sốt rét
	Chỉ số tác động					
16	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Năm	72,0	72,0	75	75
17	Số năm sống khỏe mạnh tính từ lúc sinh	Năm	65	65	68	68
18	Tổng tỉ suất sinh	Con/phụ nữ	2,1	2,33	2,1	2,1
19	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	trên 1.000 trẻ đẻ sống	12,0	12,5	11,5	14,0
20	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	trên 1.000 trẻ đẻ sống	15,5	18,5	15,0	17,0
21	Tỉ số tử vong mẹ	trên 100.000 trẻ đẻ sống	<47	<48	<45	<45
22	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	19,4	19,9	18,4	<15